

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2025

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thế

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:**
Bà [Dương Thị Thanh H](#) - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông [Trần Đình Q](#), sinh năm: 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà [Võ Thị N](#), sinh năm: 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: [thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); Hiện đang sinh sống và làm việc tại [Cộng hòa Liên bang Đ](#). (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông [Trần Đình Q](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông [Trần Đình Q](#) và bà [Võ Thị N](#) kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) vào ngày 09/12/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa phương. Đến năm 2005 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Ngày 17/9/2007, bà [Võ Thị N](#) đi xuất khẩu lao động, từ đó đến nay hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông [Trần Đình Q](#) đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà [Võ Thị N](#).

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là [Trần Đình D](#), sinh ngày 17/9/1997 và [Trần Đình T](#), sinh ngày 29/6/2001. Nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 09/12/2024, bị đơn bà [Võ Thị N](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyệt thống nhất với nội dung trình bày của ông [Q](#) về việc kết hôn, quá trình chung sống và xảy ra mâu thuẫn. Nay ông [Q](#) có yêu cầu xin ly hôn thì bà [N](#) cũng đồng ý.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là [Trần Đình D](#), sinh ngày 17/9/1997 và [Trần Đình T](#), sinh ngày 29/6/2001. Nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được các tài sản như sau:

Năm 2009, vợ chồng có xây dựng ngôi nhà cấp IV ở trên đất của mẹ chồng là bà [Đặng Thị E](#), có địa chỉ tại [thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#). Giá trị tại thời điểm xây dựng là 600.000.000 đồng; Năm 2015, mua 01 thửa đất số 196, tờ bản đồ số 30, diện tích 300m² tại [vùng C, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) và đã được [UBND huyện C](#) cấp giấy CNQSD đất số BN 908209 ngày 12/01/2015 mang tên [Trần Đình Q](#) và [Võ Thị N](#). Đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bà [Võ Thị N](#) ủy quyền cho bà [Nguyễn Thị A](#) (sinh năm: 1993; địa chỉ: [số A H, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#)) tham gia toàn bộ quá trình tố tụng liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung giữa bà [Võ Thị N](#) và ông [Trần Đình Q](#); Nộp, rút đơn khởi kiện, đơn phản tố theo quy định pháp luật, tham gia tố tụng giải quyết vụ án; Thay mặt bên ủy quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy quyền, được toàn quyền ký tên vào các giấy tờ nhân danh bên ủy quyền theo quy định pháp luật.

Ngày 17/3/2025, bà [Nguyễn Thị A](#) nộp đơn rút yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 196, tờ bản đồ số 30, diện tích 300m² tại [vùng C, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) và ngôi nhà xây dựng năm 2009 nằm trên thửa đất mang tên mẹ chồng bà [Đặng Thị E](#) tại [thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) vì lý do các bên đã thống nhất được với nhau và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 217, Điều 464, 469 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao; đề nghị: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của ông [Trần Đình Q](#) và bà [Võ Thị N](#).

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không yêu xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông [Trần Đình Q](#) và bà [Võ Thị N](#) đăng ký kết hôn ngày 09/12/1996 tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#). Nay ông [Trần Đình Q](#) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà [Võ Thị N](#). Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh số 1088/QLXNC-Đ1 ngày 25/10/2024 của [Phòng Q1 – Công an tỉnh H](#), xác nhận: Bà [Võ Thị N](#), sinh ngày 12/8/1977; số Hộ chiếu: B0993833; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) đã xuất cảnh ngày 17/9/2007, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông [Trần Đình Q](#) và bị đơn bà [Võ Thị N](#) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông [Q](#), bà [N](#) theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông [Trần Đình Q](#) và bà [Võ Thị N](#) tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và được [Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông [Q](#) và bà [N](#) là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa phương. Đến năm 2005 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Ngày 17/9/2007, bà [Võ Thị N](#) đi xuất khẩu lao động, từ đó đến nay hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông [Trần Đình Q](#) đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà [Võ Thị N](#). Bà [Võ Thị N](#) thống nhất về nội dung trình bày của ông [Trần Đình Q](#) về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn; thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc ông [Q](#) xin ly hôn thì bà [N](#) cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông [Q](#) và bà [N](#) là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; cả ông [Q](#) và bà [N](#) đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51, 55

Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông [Trần Đình Q](#) và bà [Võ Thị N](#).

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là [Trần Đình D](#), sinh ngày 17/9/1997 và [Trần Đình T](#), sinh ngày 29/6/2001. Hiện nay các con đã thành niên nên không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Ông [Trần Đình Q](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà [Võ Thị N](#) đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 55, 57, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 3, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông [Trần Đình Q](#) và bà [Võ Thị N](#).

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

3. Về án phí: Ông [Trần Đình Q](#) và bà [Võ Thị N](#) mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông [Trần Đình Q](#) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000085 ngày 10/10/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh; trả lại cho ông [Q](#) số tiền 225.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Thiên Lộc, H. Can Lộc,
T. Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

